

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 điều chỉnh, thay thế một số nội dung quy định tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2740/TTr-SXD ngày 24/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung thẩm quyền giải quyết 04 TTHC tại số thứ tự 1, 2, 3, 4 mục 1, phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực hoạt động xây dựng “*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng*” thành “*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)*”, chi tiết tại phục kèm theo.

Điều 2. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ quy định của pháp luật, theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao có trách nhiệm niêm yết, công khai đầy đủ 04 TTHC quy định tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm phục

vụ hành chính công tỉnh và thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định. Đồng thời, xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC (*chuyên ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị*) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Các nội dung khác không điều chỉnh, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 và Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 về điều chỉnh, thay thế một số nội dung quy định tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng: CN, NNMT, TH;
- Lưu: VT, KSTTHC (Th 3b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ XÂY DỰNG, SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH TỈNH ĐẮK LẮK
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| ST T | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Mức độ ứng dịch vụ công trục tuyển (Mức độ 2, 3, 4) | Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích | |
|---------------------------------------|--|---|--|---|--|---|---|-------------------|
| | | | | | | | Tiếp nhận | Trả kết quả |
| I. Lĩnh vực hoạt động xây dựng | | | | | | | | |
| 1 | Thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh | - Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B; - Không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C; kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk. | (Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 209/2016/TT- BTC) x 50% | - Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; - Các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016; số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính. | 2 | | |
| 2 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh | - Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; - Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk | (Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 209/2016/TT- BTC) x 50% | | 2 | | |

| ST T | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Mức độ ứng dịch vụ công trực tuyên (Mức độ 2, 3, 4) | Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Buru chính công ích | |
|---------|---|--|---|---|--|---|--|-------------------|
| | | | | | | | Tiếp nhận | Trả kết quả |
| 3 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật | Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk | (Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư công trình theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC và theo tỷ lệ % trên chi phí xây dựng công trình Thông tư số 210/2016/TT-BTC) x 50% | - Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; - Các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016; số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; | 2 | | |
| 4 | Thẩm định Thiết kế, dự toán xây dựng/Thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh | - Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II, cấp III; - Không quá 15 ngày đối với các công trình còn lại. | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk. | Tính theo tỷ lệ % trên chi phí xây dựng công trình theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC x 50% | | 2 | | |